BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này "Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) năm 2026".

Điều 2. Kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN trên do các Bộ, ngành xây dựng dự thảo TCVN chủ động cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 cấp cho các Bộ, ngành và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, TĐC (03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

Phụ lục

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- BKHCN ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/ đối tượng TCVN	Tên TCVN	Tên, số hiệu tiêu chuẩn, tài liệu kỹ thuật làm căn cứ xây dựng	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng dự thảo TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
I.	**BỘ CÔNG AN (05 TCVN)**								
Phòng cháy chữa cháy (05 TCVN)									
1.		Phòng cháy chữa cháy – Kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòg cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Xây dựng mới Tham khảo ISO 7240-14 và EN 12854	C07, Bộ Công an	2026	2027			
2.		Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy – Phần 1: Lựa chọn và bố trí	Soát xét TCVN 7435-1:2004 (ISO 11602-1:2000)	C07, Bộ Công an	2026	2027			
3.		Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy – Phần 2: Kiểm tra và bảo dưỡng	Soát xét TCVN 7435-2:2004 (ISO 11602-2:2000)	C07, Bộ Công an	2026	2027			
4.		Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt	Soát xét TCVN 7336:2021	C07, Bộ Công an	2026	2027			

5.		Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện bảo vệ cá nhân – Quần áo cho người thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ	Xây dựng mới Tham khảo NFPA 1951; EN469; ISO 11612	C07, Bộ Công an	2026	2027			
II.	**BỘ XÂY DỰNG (231 TCVN)**								
Đường sắt (22 TCVN)									
6.		Ứng dụng Đường sắt - Vận tải đô thị dẫn hướng tự động (AUGT) - Các yêu cầu về an toàn - Phần 2: Phân tích mối nguy ở cấp hệ thống cao nhất	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 62267-2:2011	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
7.		Ứng dụng đường sắt - Quy định và chứng minh độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) - Phần 1: Các yêu cầu cơ bản và quy trình chung.	Sửa đổi, bổ sung TCVN 10935-1:2015 BS EN 50126- 1:2017+A1:2024	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
8.		Ứng dụng đường sắt – Quy định và chứng minh độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và an toàn (RAMS) - Phần 2: Phương pháp tiếp cận an toàn của hệ thông.	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 50126- 2:2017+A1:2024	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
9.		Ứng dụng đường sắt – Khí động học - Phần 4: Yêu cầu và quy trình thử nghiệm khí động học trên đường ray hở	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 14067-4:2024	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
10.		Ứng dụng đường sắt – Khí động học - Phần 5: Yêu cầu và quy trình đánh giá khí động học trong hầm	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 14067-5:2021 2	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

11.		Ứng dụng đường sắt – Khí động học - Phần 6: Yêu cầu và quy trình thử nghiệm để đánh giá gió ngang	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 14067-6:2018	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
12.		Ứng dụng đường sắt - Thuật ngữ và các định nghĩa – Phần 1: Kết cấu hạ tầng đường sắt	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 17343:2020; IS E1001; GB/T 50262:2024	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
13.		Ứng dụng đường sắt - Thuật ngữ và các định nghĩa – Phần 2: Phương tiện đường sắt	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 17343:2020; ISO 19659:2023; GB/T 50262:2025; GB/T 50833:2012	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
14.		Ứng dụng đường sắt - Thuật ngữ và các định nghĩa – Phần 3: Điện đường sắt	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 17343:2020; IEC 60050-811:2017; JIS E 2001:2022	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
15.		Ứng dụng đường sắt - Thuật ngữ và các định nghĩa – Phần 4: Thông tin tín hiệu - điều khiển	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 17343:2020; EC 60050:821:2017; JISS E 3013	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
16.		Ứng dụng đường sắt - Thuật ngữ và các định nghĩa – Phần 5: Vận hành, bảo trì và an toàn đường sắt	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 17343:2020; GBT/ 50262:2024; JIS E 3014; JIS E 5006	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
17.		Ứng dụng đường sắt - Kết cấu hạ tầng - Yêu cầu cơ học cho các mối nối trong đường ray chạy tàu	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế BS EN 16843:2024	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
18.		Tà vẹt sợi tổng hợp – Yêu cầu kỹ thuật, thi công nghiệm thu	CJ/T 399:2012. Synthetic sleepers of fiber reinforced polyurethane foam – JIS E 1203 Synthetic sleepers - Made from fiber reinforced foamed urethane	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

19.		Thiết bị điện tử đường sắt - Hệ thống con đa phương tiện và viễn thông trên tàu đối với đường sắt - Phần 1: Cấu trúc chung	Xây dựng mới dựa theo EC 62580-1:2015, Electronic railway equipment - On-board multimedia and telematic subsystems for railways - Part 1: General architecture	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
20.		Thiết bị điện tử đường sắt - Hệ thống viễn thông và đa phương tiện trên tàu dành cho đường sắt - Phần 2: Dịch vụ giám sát video/CCTV	Xây dựng mới dựa theo IEC 62580-2:2016 Electronic railway equipment - On-board multimedia and telematic subsystems for railways - Part 2: Video surveillance/CCTV services	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
21.		Thiết bị điện tử đường sắt - Hệ thống ghi dữ liệu lái tàu trên tàu - Phần 1: Thông số kỹ thuật của hệ thống	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 62625-1	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
22.		Thiết bị điện tử đường sắt – Hệ thống ghi dữ liệu trên tàu - Phần 2: Thử nghiệm sự phù hợp	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 62625-2	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
23.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Mạng tổ hợp CANopen (CCN)	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 61375-3-3	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
24.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Thử nghiệm tính đáp ứng của bus đa chức năng (MVB) trên toa xe	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 61375-3-2	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
25.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Bus chức năng trên toa xe (MVB)	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 61375-3-1	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

26.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Trục truyền dẫn Ethernet trên tàu	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 61375-2-5	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
27.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Mạng tổ hợp Ethernet (ECN)	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế IEC 61375-3-4	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
Đường bộ (31 TCVN)									
28.		Bộ neo cáp cường độ cao - Neo tròn T13, T15 và neo dẹt D13, D15	Soát xét TCVN 10568:2017 Tham khảo EAD-160004-00-0301: Post- Tensioning kits for prestressing of tructures GB/T 14370-20015, Anchorage, grip and couplers for prestressing tendodons	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
29.		Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa ấm – Thi công và nghiệm thu.	Xây dựng mới GB/T 30596-2014; T/CECS 1160-2022; DB33/T 2384-2021; IRC:SP 101-2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
30.		Hỗn hợp đá nhựa dùng cho lớp hấp phụ trong kết cấu đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới Chỉ dẫn kỹ thuật lớp SAMI của bang Utah; Chỉ dẫn kỹ thuật lớp SAMI của bang Arizona; Chỉ dẫn kỹ thuật lớp SAMI của bang Massachusettes; FATET 24-08; DB36/T 1837-2023; DB36/T 13-2021	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
31.		Thí nghiệm mẫu đất kích thước lớn	Xây dựng mới TCVN 4199:1995; AASHTO T236; JGS 0561	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
32.		Gia yếu bằng bấc thấm – Thiết kế, thi công và nghiệm thu	Soát xét TCVN 9355:2013 Tham khảo BS EN 15237:2007 Execution of special geotechnical works; Vol.I - Engineering	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

			Guidelines Prefabricated Vertical drainage, US Deparment of Transportation. Technical Specification for Vacuum Preloading; Technique to Improve Soft Soils JTS 147-2-2009; Technical Code for Ground Treatment of Buildings JGJ 79-2002						
33.		Đất dùng trong xây dựng công trình giao thông - Phân loại kỹ thuật	Soát xét TCVN 14183:2024 dựa trên ASTM D 2487, ASTM M 145	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
34.		Giá long môn, cột cần vươn trong công trình đường bộ - Chế tạo và thi công	Xây dựng mới Tiêu chuẩn LRFD (2015), Hướng dẫn và thông tin sửa đổi năm 2022 đối với tiêu chuẩn LRFD	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
35.		Giá long môn, cột cần vươn trong công trình đường bộ - Quản lý và Bảo trì	Xây dựng mới Tiêu chuẩn LRFD (2015), Hướng dẫn và thông tin sửa đổi năm 2022 đối với tiêu chuẩn LRFD	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
36.		Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit	Soát xét TCVN 8816:2011 AASHTO M316-23, AASHTO R5-17	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
37.		Sửa chữa và bảo trì dự phòng mặt đường bê tông nhựa – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới Sản phẩm của đề tài DT24325, JTG 5142-2019, JTG/T5142-01-2021	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
38.		Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 34:2020/TCĐB VN	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
39.		Khe co giãn chèn Asphalt - Yêu cầu kỹ thuật và thi công	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 25:2019/TCĐB VN	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			

40.		Lớp mặt đường bằng hỗn hợp đá vữa nhựa (SMA) – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới TCCS 36:2021/TCĐBVN, JTG F40-2004, AASHTO M325, AASHTO R46	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
41.		Phương pháp đo và đánh giá chiều sâu lún vệt bánh xe mặt đường mềm bằng thước thẳng	Soát xét TCVN 13899:2023 tham khảo 21:2013/TCĐB VN ATSM E 1703/E 1703 M-10 ATSM D6433 - 07	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
42.		Thiết kế điểm dừng đón, trả khách tuyến cố định, tuyến xe buýt liên tỉnh ngoài đô thị	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 46:2022/TCĐB VN; Accessing Transit: Deesign Handbook for Florida Bus Passenger Facilities Ver 3	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
43.		Tường chắn rọc đá trọng lực – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 13:2016/TCĐB VN BS 8002; BS EN 10223-8; EN1997	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
44.		Thi công và nghiệm thu sửa chữa trám, vá vết nứt mặt đường nhựa	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 18:2016/TCĐB VN; Maintenance Technical Advisory Guide: Volum 1 Flexibale Pavement Presentation - Caltrans	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
45.		Sơn tín hiệu giao thông – Xóa vạch kẻ đường – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 30:2020/TCĐB VN; PD CEN-TR 16958-2017 Road marking materials	Bộ Xây dựng Cục Đường bộ Việt Nam	2026	2027			
46.		Hàn cầu thép	Soát xét TCVN 10309:2014 Tham khảo AASHTO/AWS D1.5M/D1.5:2025 – Bridge Welding Code	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

47.		Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	Soát xét TCVN 12681:2019 QCVN 41:2024/BGTT; JTG D81- 2017; JTG/T D81-2017; JT/T 281-2007; AASHTO M180 -2023	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
48.		Thiết kế và thi công bơm vữa bảo vệ cáp dự ứng lực	Xây dựng mới Sản phẩm đề tài DT24321	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
49.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Hệ thống camera giám sát giao thông CCTV trên đường cao tốc	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế, và kết quả đề tài khoa học và công nghệ ISO/IEC 14496; NTCIP 1205; Nhiệm vụ KHCN "Nghiên cứu định hướng xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật hệ thống camera giám sát giao thông (CCTV) áp dụng cho hệ thống giao thông thông minh trên các tuyến cao tốc tại Việt Nam"	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
50.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Hệ thống phát hiện phương tiện VDS sử dụng công nghệ xử lý hình ảnh trên đường cao tốc	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế, và kết quả đề tài khoa học và công nghệ ISO/TS 29284; Nhiệm vụ KHCN "Nghiên cứu định hướng xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật hệ thống phát hiện phương tiện (VDS) áp dụng cho hệ thống giao thông thông minh trên các tuyến cao tốc tại Việt Nam"	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
51.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) –Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 1: Tổng quan	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-1; IETF RFC 2578	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

52.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) –Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 2: Quản lý cơ bản thiết bị bên đường tổng quát	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-2; NTCIP 1103 v03	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
53.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 3 Kích hoạt	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-3; BSI-PD ISO/TS 20684-3, NTCIP 1201	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
54.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 4 Thông báo	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-4; NTCIP 1103	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
55.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 5 Nhật ký	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-5	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
56.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 6 Các lệnh	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-6	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			
57.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) –Giao diện dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường sử dụng SNMP – Phần 7 tính năng hỗ trợ	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 20684-7	Bộ Xây dựng Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2026	2027			

58.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 2: Giao tiếp giữa Trung tâm và các thiết bị liên quan bằng giao thức SNMP	Xây dựng mới dựa theo tài liệu quốc tế ISO 15784-2:2024	Bộ Xây dựng	2026	2027			
Hàng không (04 TCVN)									
59.		Lớp bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme dùng cho sân bay dân dụng – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới Kết quả nghiên cứu đề tài DT 2301; AC 150/5370-6 AC150/5370-10G AC 150/5730-10H AC 150/5730-10F AC 150/5320-12C NF EN 13043 NF EN 13108-8 MH/T 5010-2017 MH/T 5011-2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tả	2026	2027			
60.		Sân bay dân dụng - Mặt đường BTXM sân bay - Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới MH 5006-2015 AC No. 150/5370-10H TCCS 24-2018/CHK	Bộ Xây dựng Cục Hàng không Việt Nam	2026	2027			
61.		Sân bay dân dụng - Mặt đường sân bay - Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 10907:2015 СП 121.13330.2019 Аэродромы. СНиП 32-03- 96 ПОСОБИЕ ПО ПРОЕКТИРОВАНИЮ АЭРОДРОМНЫХ ПОКРЫТИЙ 2020 АЭРОДРОМЫ СНиП 32-03-96 TCVN 10907: 2015 AC 150/5300-13B AC 150/5320 - 6 Annex 14 - Aerodromes - Volume I - Aerodrome Design and Operations - International Civil Aviation Organization	Bộ Xây dựng Cục Hàng không Việt Nam	2026	2027			
62.		Sân bay dân dụng - Mặt đường sân bay - Đo đạc, xây dựng và bảo trì khả năng chống trượt bề mặt	Xây dựng mới FAA - AC No. 150/5320- 12C ADVISORY CIRCULAR AC 139.C-06v1.0 ICAO Circulation 355	Bộ Xây dựng Cục Hàng không Việt Nam	2026	2027			

Hàng hải và đường thuỷ nội địa (05 TCVN)									
63.		Luồng đường thủy nội địa – Tiêu chuẩn thiết kế	Soát xét TCVN 12910:2020, gộp TCVN 12910:2020 và TCVN 5664:2009	Bộ Xây dựng Cục Hàng hải và Đường thủy VN	2026	2027			
64.		Báo hiệu hàng hải và đường thủy nội địa – Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 01:2020/CĐTNĐ và TCCS 01:2018/CHHVN	Bộ Xây dựng Cục Hàng hải và Đường thủy VN	2026	2027			
65.		Bến thuỷ nội địa – Phân loại	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 03:2020/CĐTNĐ	Bộ Xây dựng Cục Hàng hải và Đường thủy VN	2026	2027			
66.		Công tác nạo vét - Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 02:2015/CHHVN, TCVN 11820-9:2023, SL17:2014	Bộ Xây dựng Cục Hàng hải và Đường thủy VN	2026	2027			
67.		Cảng xanh	Xây dựng mới Tham khảo TCCS 02:2022/CHHVN	Bộ Xây dựng Cục Hàng hải và Đường thủy VN	2026	2027			
Vật liệu xây dựng và Môi trường xây dựng (81 TCVN)									
68.		Bộ phận giảm ồn cho đường giao thông – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới BS EN 14388-2015	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
69.		Xi măng - Phần 6: Xi măng chứa vật liệu xây dựng tái chế	Xây dựng mới EN 197-6	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
70.		Xỉ hạt lò cao nghiền mịn cho bê tông và vữa	Soát xét TCVN 11586:2016 JIS A 6206:2024; GB/T 18046:2017	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			

71.		Panel thạch cao màng sợi thủy tinh – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới ASTM C1658/C1658M19e1; ASTM C1177/C1177M-24; ASTM C1178/C1178M-24	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
72.		Hệ khung treo kim loại cho tấm trần – Phương pháp thử xác định các tính chất về độ bền của khung treo	Xây dựng mới ASTM E3090-22	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
73.		Phương pháp thử xi măng - Phần 12: Hoạt tính của các cấu tử xi măng - Phương pháp nhiệt thuỷ hoá và hàm lượng nước kết hợp	Xây dựng mới EN 196-12	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
74.		Bê tông – Phương pháp bán đoạn nhiệt xác định nhiệt tỏa của bê tông trong quá trình đóng rắn	Xây dựng mới EN 12390-14	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
75.		Bê tông - Bê tông - Phương pháp đoạn nhiệt xác định nhiệt tỏa của bê tông trong quá trình đóng rắn	Xây dựng mới EN 12390-15	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
76.		Đá nhân tạo - Dạng tấm và dạng gạch ốp tường (trong nhà và ngoài trời)	Xây dựng mới BS EN 15286:2013	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
77.		Đá nhân tạo - Tấm và các sản phẩm cắt theo kích thước cho bàn trang điểm và mặt bếp	Xây dựng mới BS EN 15388:2020	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
78.		Đá nhân tạo - Đá dạng mô-đun gạch cho lát sàn và cầu thang (trong nhà và ngoài trời)	Xây dựng mới BS EN 15285:2008	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			

79.		Phương pháp xác định hệ số phản xạ năng lượng mặt trời của màng sơn	Xây dựng mới ISO 22969:2019	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
80.		Tấm trải chống thấm trên cơ sở bitum biến tính – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 9066:2012 Tham khảo ASTM 639-2020	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
81.		Kính xây dựng - Gioăng, cục kê, thanh chèn đàn hồi chịu nén cho lắp kính	Xây dựng mới ASTM C864-05 (2019)	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
82.		Phụ gia nở cho bê tông	Xây dựng mới JIS A 6202:2017	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
83.		Bột mài từ đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng Phần 1: Bột mài từ quá trình sản xuất đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất gạch không nung, gạch tự lèn, gạch block và tấm bê tông kết cấu – Yêu cầu chung	Xây dựng mới Tham khảo TCVN 8825:2011, TCVN 10302:2014	Bộ Xây dựng	2026	2027			
84.		Bột mài từ đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng Phần 2: Bột mài từ quá trình sản xuất đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất gạch nung – Yêu cầu chung	Xây dựng mới TCVN 4353:1986, TCVN 14136:2024	Bộ Xây dựng	2026	2027			
85.		Bột mài từ đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng Phần 3: Bột mài từ quá trình sản xuất đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất gạch gốm ốp lát – Yêu cầu chung	Xây dựng mới TCVN 6300:1997, TCVN 14136:2024, TCVN 6301:1997	Bộ Xây dựng	2026	2027			

86.		Bột mài từ đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng Phần 4: Bột mài từ quá trình sản xuất đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất clanhke xi măng – Yêu cầu chung	Xây dựng mới TCVN 6071:2013, TCVN 6072:2013, TCVN 14136:2024	Bộ Xây dựng	2026	2027			
87.		Bột mài từ đá nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng Phần 5: Bột đá thải từ quá trình sản xuất đá nhân tạo làm nguyên liệu phối trộn sản xuất vật liệu san lấp – Yêu cầu chung	Xây dựng mới TCVN 9436:2012, BS EN 13242:2002 + A1:2000, AASHTO Designation: M 145-91 (2021)	Bộ Xây dựng	2026	2027			
88.		Vật liệu chịu lửa sít đặc và cách nhiệt định hình - Phương pháp xác định độ bền uốn ở nhiệt độ thường	Xây dựng mới ISO 5014:1997	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
89.		(1)Vôi xây dựng - Phần 1: Định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới EN 459-1	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
90.		Vôi xây dựng - Phần 2: Phương pháp thử	Xây dựng mới EN 459-2	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
91.		Cốt liệu nhẹ	Xây dựng mới EN 13055	Bộ Xây dựng Hội Bê tông Việt Nam	2026	2027			
92.		Sản phẩm bê tông đúc sẵn - Tấm tường	Xây dựng mới BS EN 14992	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
93.		Phụ gia cho bê tông và vữa - Phần 3: Phụ gia cho vữa xây. Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới BS EN 934-3	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

94.		Phụ gia cho bê tông và vữa - Phần 4: Phụ gia cho vữa chèn cáp dự ứng lực. Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới BS EN 934-4	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
95.		Phụ gia cho bê tông và vữa - Phần 5: Phụ gia cho bê tông phun. Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới BS EN 934-5	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
96.		Phụ gia cho bê tông và vữa - Phần 7: Phụ gia giảm co ngót. Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới BS EN 934-7	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
97.		TCVN x933 Phương pháp thử các tính chất hình học của cốt liệu - Phần 11: Thử nghiệm phân loại các thành phần của cốt liệu lớn tái chế	Xây dựng mới EN 933-11	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
98.		TCVN x1744 Phương pháp thử các tính chất hóa học của cốt liệu - Phần 6: Xác định ảnh hưởng của dịch chiết của cốt liệu tái chế đến thời gian đông kết của xi măng	Xây dựng mới EN 1744-6	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
99.		TCVN x1744 Phương pháp thử các tính chất hóa học của cốt liệu - Phần 7: Xác định hàm lượng mất khi nung của cốt liệu từ xỉ đáy lò đốt rác thải sinh hoạt;	Xây dựng mới EN 1744-7	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
100.		TCVN x1744 Phương pháp thử các tính chất hóa học của cốt liệu - Phần 8: Thử nghiệm nhanh xác định lượng kim loại trong cốt liệu từ xỉ đáy lò đốt	Xây dựng mới EN 1744-8	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

		rác thải sinh hoạt							
101.		(1) TCVN X1097-8:202X - Phương pháp thử tính chất cơ lý cốt liệu - Phần 8: Xác định độ trơn trượt	Xây dựng mới EN 1097-8	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
102.		TCVN X1097-10:202X - Phương pháp thử tính chất cơ lý cốt liệu - Phần 10: Xác định chiều cao thấm nước mao dẫn	Xây dựng mới EN 1097-10	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
103.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 13: Vữa dùng cho thử nghiệm phụ gia cho vữa	Xây dựng mới EN 480-13	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
104.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 14: Xác định ảnh hưởng của phụ gia đến tính chất ăn mòn cốt	Xây dựng mới EN 480-14	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
105.		Phụ gia hóa cho bê tông, vữa xây và vữa rót – Phương pháp thử – Phần 15: Bê tông và phương pháp thử dùng cho thử nghiệm phụ gia biến tính độ nhớt	Xây dựng mới EN 480-15	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
106.		TCVN x12390 Bê tông - Phần 11: Phương pháp xác định khả năng chống clorua của bê tông, khuếch tán một chiều	Xây dựng mới EN 12390-11	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
107.		TCVN x12390 Bê tông - Phần 17: Phương pháp xác định từ biến của bê tông khi nén	Xây dựng mới EN 12390-17	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

108.		Cốt liệu cho bê tông và vữa	Soát xét TCVN 7570:2006 GOST 8267-93 GOST 8736-14	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
109.		Bê tông – Lựa chọn thành phần – Phần 1: Nguyên tắc	Xây dựng mới 1) GOST 27006-2019 2) Руководство по подбору составов тяжелого бетона, НИИЖБ Госстроя СССР 3) QĐ 778/1998/QĐ-BXD	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
110.		Bê tông - Lựa chọn thành phần - Phần 2: Bê tông thông thường	Xây dựng mới 1) GOST 27006-2019 2) Руководство по подбору составов тяжелого бетона, НИИЖБ Госстроя СССР 3) QĐ 778/1998/QĐ-BXD	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
111.		Bê tông - Phương pháp xác định độ bền nứt	Xây dựng mới GOST 29197-2021	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
112.		Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu kéo dọc trục	Xây dựng mới GOST 10180-2012	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
113.		Vữa xi măng khô trộn sẵn không co	Sửa đổi, bổ sung TCVN 9204:2012 ASTM C1107	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
114.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 5: Xác định độ hút nước mao dẫn	Xây dựng mới BS EN 480-5	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
115.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 11: Xác định thông số rỗng của bê tông	Xây dựng mới BS EN 480-11	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
116.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 12: Xác định hàm lượng kiềm trong phụ gia	Xây dựng mới BS EN 480-12	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

117.		Cốt liệu - Các quy định chung trong thử nghiệm - Phần 6: Thuật ngữ về độ lặp lại và độ tái lập	BS EN 932-6:1999	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
118.		Cốt liệu - Thử nghiệm các tính chất hóa học - Phần 3: Chuẩn bị dung dịch chiết từ cốt liệu	BS EN 1744-3	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
119.		Cốt liệu - Phương pháp thử các tính chất hình học - Phần 5: Tỷ lệ các hạt vỡ trong cốt liệu lớn hoặc cốt liệu hỗn hợp	BS EN 933-5:2022	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
120.		Cốt liệu - Phương pháp thử các tính chất hình học - Phần 8: Đánh giá hạt mịn tro	BS EN 933-8:2012+A1:2015	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
121.		Phương pháp thử vữa xây dựng - Phần 19: Xác định độ thấm hơi nước của vữa láng và trát đã đóng rắn	BS EN 1015-Part 19:1998/A1:2004	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
122.		Phương pháp thử vữa xây dựng - Phần 21: Xác định khả năng tương thích của vữa trát một lớp với nền	BS EN 1015-Part 21:2002	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
123.		Hỗn hợp bê tông - Phương pháp thể tích xác định hàm lượng bọt khí	ASTM C173/C173M	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
124.		Bê tông siêu nặng - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới GOST R 70222-2022	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
125.		Bê tông chịu nhiệt - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới GOST 20910-2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

126.		Đá ốp lát tự nhiên	Sửa đổi, bổ sung TCVN 4732:2016 ASTM C615M -23 ASTM C568M-22 ASTM C503M-23 ASTM C1527-23 ASTM C1526-19(2023) ASTM C616-22 ASTM C629/C629M-22	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
127.		Thiết bị vệ sinh- Chậu rửa - Yêu cầu tính năng và phương pháp thử	Sửa đổi, bổ sung TCVN 12648:2020 EN 14688:2015+A1:2018	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
128.		Bệ xí bệt và bộ bệ xí bệt có bẫy nước tích hợp	Sửa đổi, bổ sung TCVN 12649:2020 BS EN 997:2018	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
129.		Bồn tiểu nam treo tường - Yêu cầu chức năng và phương pháp thử	Sửa đổi, bổ sung TCVN 12651:2020 BS EN 13407:2015+A1:2018	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
130.		Gạch gốm ốp, lát - Phương pháp thử, Phần 3: Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6415-3:2016 ISO 10545 – 3: 2018	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
131.		Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng	Sửa đổi, bổ sung TCVN 11833:2017 GB/T 21371-2019	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
132.		Ngói gốm tráng men	Sửa đổi, bổ sung TCVN 9133:2011 ASTM C1167-22 BS EN 1304:2013	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
133.		Vật liệu chịu lửa – Gạch Manhêdi	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8255:2009 GB/T 2275:2017	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
134.		Vật liệu chịu lửa – Vữa Manhêdi	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7709:2007 YB/T 5009:2011	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			

135.		Vật liệu chịu lửa – Vữa cao alumin	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7708:2007 GB/T 2994:2021	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
136.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8266:2009, ASTM C1184-2023	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
137.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Phương pháp thử - Phần 1: Xác định độ chảy	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8267-1:2009 ASTM 639-2020	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
138.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định khả năng đùn chảy	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8267-2:2009, ASTM C603-2019	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
139.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Phương pháp thử - Phần 3: Xác định độ cứng shore A	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8267-3:2009, ASTM C661-2022	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
140.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo vết nứt và phấn hóa	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8267-4:2009, ASTM C792-2023	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
141.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng -Phương pháp thử - Phần 5: Xác định thời gian không dính bề mặt	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8267-5:2009, ASTM C679-2022	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
142.		Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Phương pháp thử – Phần 6: Xác định cường độ bám dính	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8267-6:2009, ASTM C1135-2024	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
143.		Tấm cách nhiệt, xen kẹp hai lớp mặt kim loại định hình - Yêu cầu kỹ thuật	EN 14509:2013	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			

144.		Phương pháp phân loại vật liệu cháy theo tính cháy	GOST 30244	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
145.		Hoạt độ phóng xạ trong vật liệu xây dựng và phụ phẩm công nghiệp - Mức an toàn trong sử dụng và phương pháp thử	STUK/ ST 12.2 - 2010	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
146.		Chất lượng không khí - Vật liệu rời - Phần 1: Lấy mẫu và xác định định tính amiăng trong vật liệu rời thương mại	ISO 22262-1:2012	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
147.		Chất lượng không khí - Vật liệu rời - Phần 2: Định lượng amiăng bằng phương pháp tỷ trọng và kính hiển vi điện tử	ISO 22262-2:2014	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
148.		Bê tông nhẹ - Sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 9029:2017 GOST 25485-2019	Bộ Xây dựng Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam	2026	2027			
Quy hoạch, kiến trúc (05 TCVN)									
149.		Quy hoạch đô thị - Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 4449:1987 (1) Planning and Urban Design Standards (American Planning Association); (2) International Zoning Code (International Code Council) (3) SP 42.13330.2016 (4) GB 50180-2018	Bộ Xây dựng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia	2026	2027			
150.		Nghĩa trang nhân dân - Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 7956:2008 Nhiệm vụ SNMT: "Điều tra, khảo sát, xác định các chỉ tiêu kỹ thuật đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng". (2) JGJ/T 397- 2016	Bộ Xây dựng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia	2026	2027			

151.		Cơ sở hóa táng - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới (1) NSW EPA – Environmental Guidelines for Crematoria and Cremators (2) Nhiệm vụ SNMT: "Điều tra, khảo sát, xác định các chỉ tiêu kỹ thuật đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng".	Bộ Xây dựng Viện Kiến trúc quốc gia	2026	2027			
152.		Chợ - Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 9211:2012 JGJ 48-2014	Bộ Xây dựng Viện Kiến trúc quốc gia	2026	2027			
153.		Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 4601:2012 (1) JGJ/T 67-2019; (2) SP 118.13330.2022	Bộ Xây dựng Viện Kiến trúc quốc gia	2026	2027			
Mô hình thông tin công trình BIM (03 TCVN)									
154.		Mô hình hoá thông tin công trình – Mức độ nhu cầu thông tin – Phần 1: Khái niệm và nguyên tắc	Xây dựng mới ISO 7817-1:2024	Bộ Xây dựng Viện Kinh tế xây dựng	2026	2027			
155.		Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) - Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình - Phần 4: Trao đổi thông tin	Xây dựng mới ISO 19650-4	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
156.		Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) - Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình - Phần 3: Giai đoạn vận hành của tài sản	Xây dựng mới ISO 19650-3	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			

Kết cấu, địa kỹ thuật, công nghệ (54 TCVN)									
157.		Bảo vệ chống ăn mòn cho kết cấu xây dựng trong môi trường xâm thực	Xây dựng mới SP 28.13330.2017 (các sửa đổi 1, 2, 3, 4)	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
158.		Khảo sát địa chất công trình cho xây dựng - Nguyên tắc chung	Xây dựng mới SP 446.1325800.2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
159.		Khảo sát kỹ thuật khi quy hoạch – Yêu cầu chung	Xây dựng mới SP 438.1325800.2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
160.		Nhà và công trình – Nguyên tắc tiến hành quan trắc địa kỹ thuật khi xây dựng	Xây dựng mới SP 305.1325800.2017	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
161.		Khảo sát kỹ thuật cho xây dựng trong vùng sạt trượt – Yêu cầu chung	Xây dựng mới SP 420.1325800.2018	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
162.		Khảo sát kỹ thuật cho xây dựng trong vùng có đất lún ướt – Yêu cầu chung	Xây dựng mới SP 448.1325800.2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
163.		Bảo vệ khu đất, nhà và công trình khỏi các quá trình địa chất phức tạp - Nguyên tắc chung	Xây dựng mới SP 116.13330.2012	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
164.		Khảo sát kỹ thuật cho xây dựng trong vùng có đất trương nở - Yêu cầu chung	Xây dựng mới SP 449.1325800.2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
165.		Các công trình của cơ sở công nghiệp - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới SP 43.13330.2012	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

166.		Yêu cầu an toàn đối với sàn thao tác treo - Tính toán thiết kế, tiêu chí ổn định, lắp dựng - Thử nghiệm	Xây dựng mới BS EN 1808:2015	Bộ Xây dựng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2026	2027			
167.		Dầm đỡ ván khuôn gỗ chế tạo sẵn - Yêu cầu, phân loại và đánh giá	EN 13377	Bộ Xây dựng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2026	2027			
168.		Sàn công tác di động có chiều cao thấp - Vật liệu, kích thước, tải trọng thiết kế, các yêu cầu về an toàn và tính năng	EN 17964	Bộ Xây dựng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2026	2027			
169.		Cần trục - Sử dụng an toàn - Phần 2: Cần trục tự hành	BS 7121-3:2017	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
170.		Cần trục - Sử dụng an toàn - Phần 5: Cầu trục và cổng trục	BS 7121-7:2019	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
171.		Neo trong bê tông cho kết cấu xây dựng và thiết bị - Yêu cầu thiết kế	SP 513.1325800.2022	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
172.		Khối xây - Yêu cầu kỹ thuật đối với bộ phận phụ của khối xây - Phần 1: Dây buộc, dây đai, móc treo, giá đỡ và các góc đỡ	EN 845-1	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
173.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 4: Xác định khả năng chịu tải và độ võng của dây đai	EN 846-4	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
174.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 6: Xác định khả năng chịu kéo, chịu nén và đặc tính chuyển tải của giằng tường (thử một đầu)	EN 846-6	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			

175.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 7: Xác định khả năng chịu cắt và đặc tính chuyển tải của các thanh giằng và thanh trượt (thử khớp nối liên kết vữa)	EN 846-7	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
176.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 8: Xác định đặc tính chịu tải và độ võng của dầm treo	EN 846-8	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
177.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 10: Xác định đặc tính chịu tải và độ võng của giá đỡ	EN 846-10	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
178.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 13: Xác định khả năng chống va đập, mài mòn và ăn mòn của lớp phủ hữu cơ	EN 846-13	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
179.		Khối xây - Phương pháp thử bộ phận phụ của khối xây - Phần 14: Xác định cường độ cắt ban đầu giữa phần đúc sẵn của lanh tô composite và khối xây phía trên nó.	EN 846-14	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
180.		Thiết bị thi công - Kết cấu bao che phục vụ thi công - Yêu cầu tính năng và thiết kế chung	EN 16508	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			
181.		Thiết bị thi công - Lắp dựng - Yêu cầu chế tạo	EN 17293	Bộ Xây dựng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2026	2027			

182.		Cột điện bê tông cốt thép ly tâm	Sửa đổi, bổ sung TCVN 5847:2016 JIS 5373	Bộ Xây dựng Hội Bê tông Việt Nam	2026	2027			
183.		Thiết kế kết cấu gỗ - Quy định chung và quy định cho nhà	EN 1995-1-1	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
184.		Thiết kế kết cấu gỗ - Thiết kế kết cấu chịu lửa	EN 1995-1-2	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
185.		Thi công kết cấu thép và kết cấu nhôm - Phần 4: Yêu cầu kỹ thuật đối với kết cấu, cấu kiện dùng cho mái, trần, sàn và tường	EN 1090-4	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
186.		Thiết kế kết cấu bê tông - Phần 4: Thiết kế neo trong bê tông	EN 1992-4	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
187.		Các quy định chung cho sản phẩm bê tông đúc sẵn	EN 13369	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
188.		Kết cấu nhôm - Thi công và nghiệm thu	EN 1090-3	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
189.		Nhà chung cư - Nguyên tắc đánh giá tình trạng kỹ thuật	SP 454.1325800.2019	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
190.		Sản phẩm bê tông đúc sẵn - Các cấu kiện kết cấu dạng thanh	EN 13225	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
191.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 1: Xác định độ ẩm	EN ISO 17892-1	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

192.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 2: Xác định khối lượng thể tích	EN ISO 17892-2	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
193.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 3: Xác định khối lượng thể tích hạt	EN ISO 17892-3	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
194.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 4: Xác định thành phần hạt	EN ISO 17892-4	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
195.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 5: Thí nghiệm nén lún một trục không nở hông theo phương pháp gia tải từng cấp	EN ISO 17892-5	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
196.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 7: Thí nghiệm nén một trục nở hông	EN ISO 17892-7	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
197.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 8: Thí nghiệm nén ba trục không cố kết không thoát nước	EN ISO 17892-8	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
198.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 9: Thí nghiệm nén ba trục cố kết đất bão hòa nước	EN ISO 17892-9	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

199.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật – Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 6: Thí nghiệm xuyên côn	EN ISO 17892-6	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
200.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 10: Thí nghiệm cắt trực tiếp	EN ISO 17892-10	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
201.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 11: Thí nghiệm thấm	EN ISO 17892-11	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
202.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm đất trong phòng - Phần 12: Xác định giới hạn chảy và giới hạn dẻo	EN ISO 17892-12	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
203.		Thiết kế địa kỹ thuật - Thiết kế móng nông	BS 8004; NF P 94-261	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
204.		Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Các khái niệm, từ ngữ viết tắt và ký hiệu dùng trong trắc địa công trình	1) GOST 22268-76; 2) ISO 7078:2020; 3) BS 5964-1-1990; 4) ISO 4463-1-1989 (Part 1); 5) GB 50026-2020	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
205.		Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Định vị công trình	1) GOST 22268-76; 2) ISO 7078:2020; 3) BS 5964-1-1990; 4) ISO 4463-1-1989 (Part 1); 5) GB 50026-2020	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
206.		Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt - Tường trong đất	EN 1538	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
207.		Công tác địa kỹ thuật - Tường cọc ván thép	EN 12063	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

208.		Cọc bê tông cốt thép chế tạo sẵn - Yêu cầu kỹ thuật chung	GOST 19804 – 2021	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
209.		Tính bền vững của công trình xây dựng - Đánh giá hiệu suất môi trường của toà nhà - Phương pháp tính toán	BS EN 15978	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
210.		Tính bền vững của công trình xây dựng - Công bố sản phẩm môi trường (EPD) - Các quy tắc chính phân loại sản phẩm xây dựng	BS EN 15804	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
An toàn cháy cho nhà và công trình (11 TCVN)									
211.		An toàn cháy cho nhà và công trình – Phân loại kỹ thuật về cháy	Xây dựng mới Tham khảo BS EN 13501 (part 1 - 5) Fire code 2023,) NFPA 5000 -101-704 BS 476, GB 8624, AS 1530, NF P 92-501, DIN 4102, Luật FZ 123 Nga	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
212.		An toàn cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu đối với đường và lối thoát nạn	Xây dựng mới Tham khảo SP 1.13130-2020	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
213.		An toàn cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu chịu lửa đối với vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng	Xây dựng mới Tham khảo SP 2.13130-2020	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
214.		An toàn cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu về ngăn chặn cháy lan	Xây dựng mới Tham khảo SP 4.13130	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
215.		An toàn cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu về tiếp cận chữa cháy	Xây dựng mới Tham khảo SP 4.13130.2013	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			

216.		Yêu cầu an toàn cháy đối với nhà sản xuất và nhà kho	Xây dựng mới Tham khảo SP 56.13330.2021; SP 57.13330.2011	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
217.		Yêu cầu an toàn cháy đối với nhà cao tầng	Xây dựng mới Tham khảo SP 118.13330.2022; SP456.1311500.2020; SP 477.1325800.2020	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
218.		An toàn cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu về bảo vệ chống khói	Xây dựng mới Tham khảo SP 7.13130	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
219.		Phòng cháy chữa cháy - Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 1: Ống gió	Xây dựng mới Tham khảo ISO 6944-1:2024; EN 1366-1:2014+A1:2020	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
220.		Hệ thống kiểm soát khói và nhiệt - Phần 1: Các quy định cho bộ phận ngăn khói	Xây dựng mới Tham khảo EN 12101-1; ISO 21927-1	Bộ Xây dựng Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2026	2027			
221.		Kết cấu thép - Nguyên tắc đảm bảo khả năng chịu lửa	Xây dựng mới CTO APCC 11251254.001-018-03, CTO APCC 11251254.001-016	Bộ Xây dựng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội	2026	2027			
Cơ điện (07 TCVN)									
222.		Hệ thống kỹ thuật trong nhà cao tầng - Phần 1: Cấp thoát nước	SP 253.1325800; SP 30.13330	Bộ Xây dựng Viện khoa học và kỹ thuật môi trường, ĐHXD	2026	2027			
223.		Hệ thống kỹ thuật trong nhà cao tầng - Phần 4: Yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường	SP 253.1325800; SP 30.13330; SS 553	Bộ Xây dựng Viện khoa học và kỹ thuật môi trường, ĐHXD	2026	2027			
224.		Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà và công trình	SP 253.1325800; SP 10.13130 NFPA 101; NFPA 5000	Bộ Xây dựng Viện khoa học và kỹ thuật môi trường, ĐHXD	2026	2027			

225.		Hệ thống lắp đặt điện của các toà nhà - Phần 5-53: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Cách ly, đóng cắt và điều khiển	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7447-5-53:2005 (IEC 60364-5-53:2002) Tham khảo 1) IEC 60364-5-53:2019+AMD1:2020; 55:2011+AMD1:2012+AMD2:2016 CSV);	Bộ Xây dựng	2026	2027			
226.		Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 5-55: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Các thiết bị khác	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7447-5-55:2015 Tham khảo IEC 60364-5	Bộ Xây dựng	2026	2027			
227.		Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 6: Kiểm tra xác nhận	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7447-6:2011 (IEC 60364-6:2006) Tham khảo IEC 60364-6:2016	Bộ Xây dựng	2026	2027			
228.		Hệ thống lắp đặt điện hạ áp – Phần 4-41: Bảo vệ an toàn, bảo vệ chống điện giật	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7447-4-41:2010 (IEC 60364-4-41:2005) IEC 60364-4- 41:2005+AMD 1:2017 CSV	Bộ Xây dựng	2026	2027			
Âm học (08 TCVN)									
229.		Âm học – Phép đo hấp thụ âm trong phòng vang	Xây dựng mới ISO 354-2003	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
230.		Âm học - Xác định hệ số hấp thụ âm thanh và trở kháng trong ống trở kháng - Phần 1: Phương pháp sử dụng tỷ số sóng đứng	Xây dựng mới ISO 10534-1-1996	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
231.		Âm học - Xác định hệ số hấp thụ âm thanh và trở kháng trong ống trở kháng - Phần 2: Kỹ thuật hai microphone xác định hệ số hấp thụ âm pháp tuyến và trở kháng bề mặt pháp tuyến	Xây dựng mới ISO 10534-2-2023	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			

232.		Âm học – Phép đo phòng thí nghiệm về cách âm của các bộ phận nhà – Phần 1: Quy tắc áp dụng cho sản phẩm cụ thể	Xây dựng mới ISO 10140-1-2021	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
233.		Âm học – Phép đo phòng thí nghiệm về cách âm của các bộ phận nhà – Phần 2: Phép đo cách âm không khí	Xây dựng mới ISO 10140-2-2021	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
234.		Âm học – Phép đo phòng thí nghiệm về cách âm của các bộ phận nhà – Phần 3: Phép đo cách âm va chạm	Xây dựng mới ISO 10140-3-2021	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
235.		Âm học – Phép đo phòng thí nghiệm về cách âm của các bộ phận nhà – Phần 4: Quy trình và yêu cầu đo	Xây dựng mới ISO 10140-4-2021	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
236.		Âm học – Phép đo phòng thí nghiệm về cách âm của các bộ phận nhà – Phần 5: Yêu cầu đối với phòng thử và thiết bị thử	Xây dựng mới ISO 10140-5-2021	Bộ Xây dựng Viện Vật liệu xây dựng	2026	2027			
III. <u>BỘ NỘI VỤ (01 TCVN)</u>									
Văn thư lưu trữ (01 TCVN)									
237.		Hộp bảo quản tài liệu lưu trữ	Soát xét TCVN 9252:2012 ISO 16245:2023 Thông tin và tư liệu - Hộp, bìa hồ sơ và các loại bao bì khác làm từ vật liệu có nguồn gốc xenlulo dùng để lưu trữ tài liệu trên giấy và giấy da	Trung tâm Lưu trữ quốc gia tài liệu điện tử và tài liệu dự phòng - Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	2026	2027			

IV.	**<u>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (71 TCVN)</u>**								
Giống cây trồng nông nghiệp (20 TCVN)									
238.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Đậu cô ve (Phaseolus vulgaris L.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, TG/12/9 Rev. 2 của UPOV	Phòng Quản lý giống cây trồng - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2026	2027			
239.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Dưa lưới/Dưa lê (Cucumis melo L.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, TG/104/5 Rev. 3 của UPOV	Phòng Quản lý giống cây trồng - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2026	2027			
240.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Khoai lang (Ipomoea batatas (L.) Lam).	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu,TG/258/1 của UPOV	Phòng Quản lý giống cây trồng - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2026	2027			
241.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Dứa (Ananas comosus (L.) Merr.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, TG/295/1 của UPOV.	Phòng Quản lý giống cây trồng - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2026	2027			
242.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Xoài (Mangifera indica L.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, TG 112/4 Corr của UPOV.	Phòng Quản lý giống cây trồng - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2026	2027			
243.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Chanh leo (Passiflora spp.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu. Tài liệu UPOV TG/256/1, ngày 24/3/1999	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			

244.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Dừa (Cocos nucifera L.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, TG/314/1 Rev. của UPOV	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			
245.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Mía (Saccharum officinarum L.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, TG/186/1 của UPOV, QCVN 01-125:2013/BNNPTNT	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			
246.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Vừng (Sesamum indicum L.)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, Tài liệu UPOV TG/292/1, ngày 20/3/2013	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			
247.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Đậu đũa (Vigna unguiculata (L.) Walp. subsp. sesquipedalis (L.) Verdc)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu. Tài liệu UPOV TG/252/1, ngày 01/4/2009	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			
248.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (DUS) - Giống Đậu bắp (Abelmoschus esculentus L.Moench)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu. Tài liệu UPOV TG/167/3, ngày 01/4/2009	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			
249.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) - Giống Mía (Saccharum officinarum L)	Khảo sát, khảo nghiệm, Kết quả nghiên cứu, QCVN 01-131:2013/ BNNPTNT; TCCS của Viện NC Mía đường; Quy trình thâm canh mía - Cục Trồng trọt	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2026	2027			

250.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) - Giống Hoa lan hồ điệp (Phalaenopsis Blume).	Khảo sát, khảo nghiệm, kết quả nghiên cứu, TCCS của Viện NC Rau quả, Tài liệu UPOV TG/213/2(proj.4).	Viện Nghiên cứu Rau quả	2026	2027			
251.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) - Giống Hoa lay ơn (Gladiolus communins Lin).	- Khảo sát, khảo nghiệm, kết quả nghiên cứu, - TCCS của Viện NC Rau quả; - Tài liệu UPOV TG/108/4 Rev, TCVN 13268-6:2022	Viện Nghiên cứu Rau quả	2026	2027			
252.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU)	Xây dựng mới - Khảo sát, khảo nghiệm, kết quả nghiên cứu; - QCVN 01-90:2012/BNNPTNT, - TCVN 13268-6:2022	Viện Nghiên cứu Rau quả	2026	2027			
253.		Chất lượng đất – Phương pháp xác định hàm lượng Bo hòa tan	Xây dựng mới - Sổ tay phân tích Đất, Nước, Phân bón, Cây trồng. Viện Thổ nhưỡng Nông hóa biên soạn, NXB Nông nghiệp, 1998 - Rock and Mineral Analysis, Recommended Soil Testing Procedures for the Northeastern United States;Comparing Boron Soil Testing Methods for Coastal Plain Sandy Soils; Methods for Determination of Boron in Soil, Plant Tissue and Water Samples	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2026	2027			
254.		Chất lượng đất – Phương pháp xác định độ chua tiềm tàng bằng dịch đệm $BaCl_2$ – TEA ở pH = 8,2	Xây dựng mới - Soil survey laboratory methods manual. Rebecca Burt, Editor, 2004, USDA, p 192-200; - Soil Survey Investigations Report No. 42, Version 6.0, 2022, USDA; - Sổ tay phân tích Đất, Nước, Phân bón, Cây trồng. Viện Thổ nhưỡng Nông hóa biên soạn, NXB Nông nghiệp, 1998.	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2026	2027			

255.		Chất lượng đất - Xác định hàm lượng phospho dễ tiêu trong đất bằng phương pháp oniani	- Soát xét TCVN 5256:2009 Xác định hàm lượng ph - Số liệu thử nghiệm tại phòng Phân tích Đất và Môi trường - Viện Quy hoạch và TKNN	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2026	2027			
256.		Chất lượng đất - Phương pháp xác định Sắt di động	Soát xét TCVN 4618:1988 Đất trồng trọt – Phương pháp xác định sắt, nhôm di động, dung tích hấp thụ, tổng số số bazơ trao đổi; - Số liệu thử nghiệm tại Bộ môn Phát sinh học và phân loại đất - Viện Thổ nhưỡng nông hóa	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2026	2027			
257.		Chất lượng đất - Hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu	Soát xét TCVN 7538-2:2005 Tham khảo Soil quality - Sampling Part 102: Selection and application of sampling techniques	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2026	2027			
Bảo vệ thực vật (06 TCVN)									
258.		Phân bón chứa vi sinh vật - Lấy mẫu	Soát xét 'TCVN 12105:2018. Phân bón vi sinh vật - Lấy mẫu Tham khảo: - QCVN 01-189:2019/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón - 'Procedures for the Control Sampling of Fertilisers and Growing Media and for Sample Preparation. Regulation No. 669	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2026	2027			
259.		Phân bón - Lấy mẫu	Soát xét TCVN 9486:2018. Phân bón - Lấy mẫu; Cập nhật: ISO 14820-1:2016, ISO 14820-2:2016 và ISO 14820-3:2020 của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) là các tiêu chuẩn tham chiếu chính để lấy mẫu phân bón và vật liệu vôi	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia	2026	2027			

260.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định các virus gây bệnh hóa gỗ quả chanh leo: Passiflora mottle virus , Potyvirus orionspassiflorae và Potyvirus telosmae	Duy-Hung Do và cs. (2021) Characterization and Detection of Passiflora Mottle Virus and Two Other Potyviruses Causing Passionfruit Woodiness Disease in Vietnam. Phytopathology 111(9):1675-1685 Aijun Huang, Peipei Gu, Ying Wang, Jiali Li, Zhixun Yang and Long Yi (2023) Simultaneous detection and diferentiation of four viruses in passion fruit plants by a multiplex RT PCR. Tropical Plant Pathology (2023) 48:23–29.	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I	2026	2027			
261.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định virus gây bệnh khảm lá cà chua Tobamovirus tomatotessellati và virus gây bệnh khảm lá thuốc lá Tobamovirus tabaci	Aysen Kübra Atik & Ismail Can Paylan (2023) Updating viral agents in tomato seeds with new generation diagnostic technologies. Front. Sustain. Food Syst. 6:945703. doi: 10.3389/fsufs.2022.945703 Kumar S., A.C. Udaya Shankar1, S.C. Nayaka1, O.S. Lund2 and H.S. Prakash (2011). Detection of Tobacco mosaic virus and Tomato mosaic virus in pepper and tomato by multiplex RT–PCR, Letters in Applied Microbiology 53, 359–363	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I	2026	2027			
262.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật: Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định Pepper chat fruit viroid (PCFVd)	Tiêu chuẩn Châu Âu OEPP/EPPO PM 7/138(1):2021 "Pospiviroids (genus Pospiviroid)". Trần Đình Phong, Trương Quang Toản và Huỳnh Văn Biết. 2024. Phát hiện Pepper chat fruit viroid (PCFVd) bằng kỹ thuật RT-PCR trên cây họ cà Solanaceae tại Tiền Giang. Tuyển tập báo cáo toàn văn Hội nghị Khoa học toàn quốc về Công nghệ Sinh học năm 2024. NXB	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu II	2026	2027			

			Đại học Huế, trang 853 - 859						
263.		Quy trình nhân nuôi quần thể ruồi đục quả Bactrocera sp. trong phòng thí nghiệm	Fumihiko Ichinohe and Kensei Nohar (1976) Larval Diets for Production of Melon Fly in Okinawa. Naha Plant Protection Station. Watanabe, N.; F. Ichinohe and M. Sonda (1972) Improvement of cornflour medium for larval culture of oriental fruit fly. Res. Bull. P1. Prot. Japan. 11 : 57-58. Tanaka, N.; Steiner, L. F.; Ohinata, K. and Okamoto, R. (1969): Low-cost larval rearing medium for mass production of Oriental and Mediterranean fruit flies. J. Econ. Entomol., 62:967-968.	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu II	2026	2027			
Lâm nghiệp và kiểm lâm (13 TCVN)									
264.		Giống cây Lâm nghiệp – Vườn cây đầu dòng: Phần 2: Nhóm các loài tre	-Xây dựng mới; - Tài liệu chính làm căn cứ: + Quy phạm kỹ thuật trồng và khai thác Luồng (tiêu chuẩn ngành 04 TCN 22: 2000). + Quy phạm kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác măng Điềm trúc (tiêu chuẩn ngành 04TCN69-2004). + Hướng dẫn kỹ thuật nhân giống vô tính, kỹ thuật trồng thâm canh, Kỹ thuật khai thác bảo quản và sơ chế măng Tre ngọt. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam 2020. + Tiến bộ kỹ thuật Kỹ thuật nhân giống hom cành Tre ngọt bằng phương pháp giâm cành. Năm	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			

			2020. + Nguyễn Văn Thọ, 2021. Báo cáo tổng kết đề tài "Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Tre ngọt tại một số tỉnh miền núi phía Bắc để lấy măng". + Nguyễn Anh Dũng, 2018, Báo cáo tổng kết đề tài độc lập cấp nhà nước "Nghiên cứu kỹ thuật trồng cây Bương lông điện biên cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến ở các tỉnh miền núi phía Bắc". + Nguyễn Bá Triệu, 2021. Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh "Nghiên cứu nhân giống, trồng thâm canh và chế biến măng Bát độ tại huyện Hữu Lũng".						
265.		Giống cây Lâm nghiệp – Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng – Phần 5: Nhóm loài cây lâm sản ngoài gỗ thân thảo, dây leo	- Soát xét có sửa đổi và bổ sung TCVN 8761-5:2021. + Phan Thị Luyến, 2021. Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng, thu hái, sơ chế và bảo quản cây Khôi tía theo tiêu chuẩn VietGap tại Hà Nội. + Nguyễn Vũ Linh và cộng sự, 2022. Báo cáo tổng kết đề tài tiềm năng cấp Bộ "Nghiên cứu phát triển một số loài cây thuốc có giá trị tại VQG Bạch Mã theo hướng sản xuất hàng hóa". + Phạm Quang Tuyến và cs, 2019. Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng cây Sâm Lai Châu. Báo cáo tổng kết đề tài Chương trình Tây Bắc, Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2019	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			

266.		Giống cây Lâm nghiệp - Cây giống các loài tre - - Phần 1. Tre ngọt; - Phần 2: Luồng; - Phần 3: Bương mốc; - Phần 4: Bát độ.	- Xây dựng mới; - Tài liệu làm căn cứ: + Quy phạm kỹ thuật trồng và khai thác Luồng (tiêu chuẩn ngành 04 TCN 22:2000). - Hướng dẫn kỹ thuật nhân giống vô tính, kỹ thuật trồng thâm canh, Kỹ thuật khai thác bảo quản và sơ chế măng Tre ngọt. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, 2020. + Tiến bộ kỹ thuật nhân giống cây Tre ngọt bằng phương pháp giâm hom gốc cành (Quyết định số 295/QĐTCLN-KH&HTQT ngày 28/8/2020 của Tổng cục Lâm nghiệp). - Lê Văn Thành, 2017. Báo cáo tổng kết dự án sản xuất thử nghiệm cấp thành phố "Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm cây Bương mốc lấy măng ở huyện Sóc Sơn - Hà Nội". - Quy phạm kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác măng tre Điềm trúc (Bát độ). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2004	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			
267.		Tre kết cấu - - Phần 1: Ván tre kỹ thuật - Phương pháp xác định các tính chất cơ lý mẫu lớn - Phần 2: Ván tre kỹ thuật - Phương pháp xác định các tính chất cơ lý sử dụng mẫu nhỏ - Phần 3: Tre ghép thanh bằng keo –Yêu cầu kỹ thuật.	- Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế. - Tài liệu làm căn cứ: Phần 1: ISO 23478:2022 (Bamboo structures - Engineered bamboo products - Test methods for determination of physical and mechanical properties) Phần 2: ISO 5257:2023 (Bamboo structures - Engineered bamboo products - Test methods for determination of mechanical properties using small size specimens) Phần 3. ISO7567:2024 (Bamboo	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			

			structures - Glued laminated bamboo - Product specifications)						
268.		Bảo quản gỗ - Đánh giá hiệu lực bảo quản thông qua chất lượng gỗ sau bảo quản sử dụng trong công nghiệp - Phần 1: Kiểm soát chất lượng bảo quản - Phần 2: Đánh giá chất lượng các sản phẩm	Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế. - Tài liệu làm căn cứ: Phần 1: AWPA M3-16 Standard for the Quality Control of Preservative Treated Products for Industrial Use Phần 2: AWPA M2-19: Standard for the Inspection of Preservative Treated Products for Industrial Use.	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			
269.		Đồ nội thất - Bàn - Phương pháp xác định độ ổn định, độ bền và độ bền lâu	Soát xét TCVN 11536:2016 (ISO 7172:1988) Tài liệu làm căn cứ: ISO 19682:2023 (Furniture - Tables - Test methods for the determination of stability, strength and durability).	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			
270.		Đồ nội thất - Giường - Phương pháp xác định độ ổn định, độ bền và độ bền lâu	Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế Tài liệu làm căn cứ: ISO 19833:2018 (Furniture - Beds - Test methods for the determination of stability, strength and durability).	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			
271.		Đồ nội thất - Ghế và ghế đẩu - Xác định độ bền và độ bền lâu	Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế Tài liệu làm căn cứ: ISO 7173:2023 (Furniture - Chairs and stools - Determination of strength and durability).	Viện KHLN Việt Nam	2026	2027			
272.		Đồ nội thất - Phương pháp thử lớp hoàn thiện bề mặt - Phần 5: Đánh giá độ bền mài mòn	Phương thức chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế: Tài liệu làm căn cứ: ISO 4211-5:2021 Hiện nay đã có 4/5 bộ tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đã áp dụng hoặc chấp nhận tương đương một số phần của bộ ISO 4211, cụ thể	Trường ĐH Lâm nghiệp	2026	2027			

			- TCVN 11534-1:2016 (ISO 4211:1979) Đồ nội thất - Phương pháp thử lớp hoàn thiện bề mặt - Phần 1: Đánh giá độ bền bề mặt với chất lỏng lạnh - TCVN 11534-2:2016 (ISO 4211- 2:2013) "Đồ nội thất - Phương pháp thử lớp hoàn thiện bề mặt - Phần 2: Đánh giá độ bền với nhiệt ẩm - TCVN 11534-3:2016 (ISO 4211- 3:2013) "Đồ nội thất - Phương pháp thử lớp hoàn thiện bề mặt - Phần 3: Đánh giá độ bền với nhiệt khô - TCVN 11534-4:2016 (ISO 4211- 4:1988) "Đồ nội thất - Phương pháp thử lớp hoàn thiện bề mặt - Phần 4: Đánh giá độ bền va đập.						
273.		Phụ phẩm gỗ - - Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa; - Phần 2: Phân loại.	- Chấp nhận có bổ sung tiêu chuẩn quốc tế. Tài liệu làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn Phần 1: 1. BSI/PAS 111:2012 – Specification for the requirements and test methods for processing waste wood 2. GOST R 56070 –2014: Wood Waste. Technical Conditions 3. GB/T 38743-2020: Vocabulary of Waste/Old Wood and Wood-Based Panels (废旧木材与人造板术) Tài liệu làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn Phần 2: 1. Catalogue of wood waste classifications in the UNECE Region (ECE/TIM/DP/91; Geneva, 2022)	Trường ĐH Lâm nghiệp	2026	2027			

			2. GB/T 29408:2012: Classification of Discarded Wooden Materials (废弃木 质材料分)						
274.		Giường tầng và giường cao - - Phần 1: Yêu cầu an toàn. - Phần 2: Phương pháp xác định các yêu cầu về an toàn	Soát xét TCVN 9579-1:2013 (ISO 9098-1:1994) Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế: ISO 9098-1:2023 và ISO 9098- 2:2023	Trường ĐH Lâm nghiệp	2026	2027			
275.		Gỗ tròn - Đặc điểm trực quan - Phương pháp xác định	Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế: ISO 19474:2018	Trường ĐH Lâm nghiệp	2026	2027			
276.		Đồ nội thất - Tủ đựng đồ - Phương pháp thử để xác định độ bền, độ bền lâu và độ ổn định	Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế: ISO 7170:2021, Furniture Storage units - Test methods for the determination of strength, durability and stability	Trường ĐH Lâm nghiệp	2026	2027			
Thủy sản và kiểm ngư (02 TCVN)									
277.		Giống rong biển rong nho, rong sụn, rong câu	Kết quả nghiên cứu và khảo sát thực tiễn	Viện Nghiên cứu Hải sản	2026	2027			
278.		Nuôi cá biển công nghiệp - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Lắp đặt và vận hành hệ thống lồng	ISO 16488:2015; Tiêu chuẩn Na Uy NS 9415. E: 2009; Khảo sát thực tế	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	2026	2027			
Chất lượng, chế biến (01 TCVN)									
279.		Hạt mắc ca sấy	UNECE DDP 22 Tiêu chuẩn sản phẩm mắc ca (nguyên vỏ) của ủy ban kinh tế Châu Âu UNECE DDP 23 Tiêu chuẩn sản phẩm mắc ca (tách vỏ) của ủy ban kinh tế Châu Âu	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026	2027			

Kinh tế hợp tác (02 TCVN)									
280.		Thiết bị thu hoạch - Máy thu hoạch thức ăn gia súc - Phần 1: Từ vựng - Phần 2: Đặc điểm kỹ thuật và tính năng	Tiêu chuẩn quốc tế ISO 8909-1:2021 Equipment - For harvesting - Forage harvesters - Past 1:Vocabulary ISO 8909-2:2021Equipment - For harvesting - Forage harvesters - Specification of characteristies and performance	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026	2027			
281.		Muối (natri clorua) Công nghiệp	Soát xét TCVN 9640:2013 - Tiêu chuẩn Codex Alimentarius CXS 150–1985 (Standard for Food Grade Salt) - Tiêu chuẩn IS 797- Industrial Salt; Ban hành bởi Bureau of Indian Standards (BIS) – Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia của Ấn Độ; - Tiêu chuẩn GB/T 5462 – Industrial Salt - Ban hành bởi Standardization Administration of China (SAC). - Trong thực tế, muối công nghiệp tại Úc (đặc biệt cho xuất khẩu) thường áp dụng: + ASTM E534 – Standard Specification for Sodium Chloride. + Hoặc các specification nội bộ của ngành chlor–alkali, soda ash. -Đồng thời qua kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026	2027			

Khí tượng thủy văn (01 TCVN)									
282.		Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 10: Bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện đo hải văn	Xây dựng mới Quy phạm bảo dưỡng, bảo quản phương tiện đo khí tượng 94 TCN 22-2000; + Quy phạm bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện và công trình đo đạc thủy văn TCN 94 TCN 15-97	Trung tâm Kỹ thuật quan trắc khí tượng thủy văn, Cục Khí tượng Thủy văn	2026	2027			
Quản lý đất đai (10 TCVN)									
283.		Bản đồ Điều tra, đánh giá đất đai - Phần 8 - Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ điều tra thực địa trong điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Kết quả thực hiện các dự án: - Dự án "Tổng điều tra đánh giá tài nguyên đất đai toàn quốc (Hợp phần I: Điều tra đánh giá đất đai cả nước, các vùng kinh tế - xã hội)": Dự án đã được phê duyệt kết quả thực hiện năm 2020. - Dự án "Điều tra, đánh giá đất đai cả nước, các vùng kinh tế - xã hội": Dự án đang thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2027.	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			
284.		Bản đồ Điều tra, đánh giá đất đai - Phần 9 - Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ điều tra thực địa trong điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Kết quả thực hiện các dự án: - Dự án "Tổng điều tra đánh giá tài nguyên đất đai toàn quốc (Hợp phần I: Điều tra đánh giá đất đai cả nước, các vùng kinh tế - xã hội)": Dự án đã được phê duyệt kết quả thực hiện năm 2020. - Dự án "Điều tra, đánh giá đất đai cả nước, các vùng kinh tế - xã hội": Dự án đang thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2027.	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			

285.		Bản đồ Điều tra, đánh giá đất đai - Phần 10 - Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ điều tra thực địa trong điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	Kết quả thực hiện các dự án: - Dự án "Điều tra, đánh giá thực trạng ô nhiễm đất các vùng kinh tế trọng điểm và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất phục vụ quản lý sử dụng đất bền vững": Đã được phê duyệt kết quả thực hiện năm 2024. - Nhiệm vụ "Điều tra, đánh giá thực trạng môi trường đất vùng Tây Nguyên phục vụ quản lý sử dụng đất bền vững: đang thực hiện giai đoạn 2025 - 2026. - Nhiệm vụ "Điều tra, đánh giá thực trạng môi trường đất các khu vực khai thác khoáng sản trên địa bàn cả nước, đề xuất các giải pháp, biện pháp cải tạo, phục hồi đất sau khai thác khoáng sản nhằm quản lý sử dụng đất bền vững: đang thực hiện giai đoạn 2024 - 2026	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			
286.		Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - Phần 1 - Yêu cầu về Dữ liệu chủ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	- Kết quả thực hiện xây dựng: Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			

287.		Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - Phần 2 - Yêu cầu về Dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai	- Kết quả thực hiện xây dựng: về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			
288.		Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - Phần 3 - Yêu cầu về Dữ liệu mở về đất đai	- Kết quả thực hiện xây dựng: về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			
289.		Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - Phần 4 - Yêu cầu về cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai	- Kết quả thực hiện xây dựng: về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			

			liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.						
290.		Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - Phần 5 - Yêu cầu về cơ sở dữ liệu về theo dõi đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai	- Kết quả thực hiện xây dựng: về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			
291.		Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - Phần 6 - Yêu cầu về cơ sở dữ liệu về địa chỉ số thửa đất, tài sản gắn liền với đất	- Kết quả thực hiện xây dựng: về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			
292.		Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia - Phần 7 - Yêu cầu về cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Rà soát TCVN 13343:2021 Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia - Yêu cầu về cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Cục Quản lý đất đai	2026	2027			

Địa chất khoáng sản (10 TCVN)									
293.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 1: Yêu cầu chung.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
294.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 2: Phương pháp khảo sát địa chất môi trường nhóm phóng xạ.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
295.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 3: Phương pháp khảo sát địa chất môi trường nhóm khoáng sản độc hại.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
296.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 4: Thành lập bản đồ khoáng sản độc hại Thủy	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			

		ngân (Hg).	(TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).						
297.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 5: Thành lập bản đồ khoáng sản độc hại Asen (As).	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
298.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 6: Thành lập bản đồ khoáng sản độc hại Asbest.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
299.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 7: Thành lập bản đồ liều bức xạ môi trường.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			

300.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 8: Thành lập bản đồ kết quả phân tích mẫu môi trường (mẫu đất, nước, thực vật)	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
301.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 9: Thành lập bản đồ tổng hợp và phân vùng địa chất môi trường nhóm phóng xạ.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			
302.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Khoáng sản phóng xạ, độc hại - Phần 10: Thành lập bản đồ tổng hợp và phân vùng địa chất môi trường nhóm độc hại.	- Đề tài KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để phân vùng địa chất môi trường và đánh giá khả năng phát tán đối với khoáng sản độc hại (TNMT.ĐL.2025.03.04). - Báo cáo: Điều tra, đánh giá và thành lập bộ bản đồ môi trường khoáng sản độc hại trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền – giai đoạn I).	Phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	2027			

Chăn nuôi (06 TCVN)									
303.		Yêu cầu chất lượng kén tằm - Phân loại	- Báo cáo khoa học nghiệm thu đề tài cấp Bộ " Nghiên cứu chọn tạo giống dâu và giống tằm cho vụ hè đạt năng suất cao tại các tỉnh phía Bắc" - Báo cáo khoa học nghiệm thu đề tài "Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống dâu, giống tằm thích hợp cho vùng duyên hải Nam Trung bộ" - Kết quả dự án Hợp tác quốc tế "Phát triển kỹ thuật nghề tằm nâng cao giá trị gia tăng phù hợp với điều kiện Việt Nam"	Trung tâm nghiên cứu dâu tằm tơ Trung Ương	2026	2027			
304.		Thức ăn chăn nuôi: Phương pháp lấy mẫu và phân tích. Xác định gossypol trong hạt bông và thức ăn chăn nuôi bằng LC-MS/MS	BS-EN-17504 - Animal feeding stuffs: Methods of sampling and analysis. Determination of gossypol in cotton seed and feeding stuff by LC-MS/MS	Viện Chăn nuôi	2026	2027			
305.		Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp lấy mẫu và phân tích. Xác định pyrrolizidine alkaloid trong thức ăn chăn nuôi bằng LC-MS/MS	BS-EN-17683 › Animal feeding stuffs. Methods of sampling and analysis. Determination of pyrrolizidine alkaloids in animal feeding stuff by LC-MS/MS	Viện Chăn nuôi	2026	2027			
306.		Tinh bò sữa, bò thịt - Đánh giá chất lượng (Bổ sung Phần - Phân ly giới tính)	Soát xét, bổ sung TCVN 8925:2012 về Tinh bò sữa, bò thịt - Đánh giá chất lượng	Cục Chăn nuôi và Thú y	2026	2027			
307.		Mật ong - Phụ lục B – Mật ong hoa nhãn; - Phụ lục C – Mật ong hoa bạc hà.	Soát xét, bổ sung 12605 Báo cáo tổng kết kế quả nghiên cứu đề tài "NC xác điịnh vùng trồng và các giải pháp kỹ thuật phát triển cây Bạc Hà và nuôi ong lấy mật tại vùng cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang" ĐTĐL.CN-52/18; Nghiên cứu nguồn ngốc mật ong trên thị	Trung tâm nghiên cứu Ong và nuôi Ong nhiệt đới	2026	2027			

			trường Hà Nội bằng phương pháp phân tích hạt phấn và vết tế bào ong, tạp chí KHKT ngành ong số 2, 2012; An Analysis of Longan Honey from Taiwan and Thailand Using Flow Cytometry and Physicochemical Analysis,Foods 2024, 13, 3772. https://doi.org/10.3390/foods13233772; Phenolic Profiles, Antioxidant, Antibacterial Activities and Nutritional Value of Vietnamese Honey from Different Botanical and Geographical Sources,AgriEngineering 2022, 4, 1116–1138.						
308.		Phấn hoa ong mật-Yêu cầu kỹ thuật	ISO/FDIS 24382:2023(E): Bee pollen — Specifications; Khai thác, chế biến và bảo quản phấn hoa, Sách Nuôi ong mật, NXB Đại học Nông nghiệp 2014; Báo cáo kết quả đề tài KC07/2009-2010" Nghiên cứu công nghệ và thiết bị chế biến sản phẩm ong"; thành phần hoá học và giá trị dinh dưỡng chủ yếu của một số phấn hoa và lương ong phổ biến ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Số 91, 2018	Trung tâm nghiên cứu Ong và nuôi Ong nhiệt đới	2026	2027			
V. BỘ Y TẾ (58 TCVN)									
Dược (05 TCVN)									
309.		Bộ TCVN XII-1 Phương pháp kiểm nghiệm thuốc Độ hòa tan của dạng thuốc rắn thân dầu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Anh BP2025 Dược điển Mỹ USP 2025	Bộ Y tế Hội đồng Dược điển Việt Nam	2026	2027			

310.		Bộ TCVN XIII-2 Nguyên liệu hóa dược 1. Dapagliflozin propandiol 2. Deferasirox 3. Diacerein 4. Econazol nitrat 5. Rivaroxaban	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Mỹ USP2025 Dược điển Anh BP2025 Dược điển Ấn độ hiện hành	Bộ Y tế Hội đồng Dược điển Việt Nam	2026	2027			
311.		Bộ TCVN XIII-3 Thành phẩm hóa dược 1. Viên nén deferasirox 2. Nang cứng diacerein 3. Viên nén đặt âm đạo econazol 4. Viên nén rivaroxaban 5. Viên nén enalapril + hydroclorothiazid 6. Viên nén losartan + hydroclorothiazid	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Mỹ-USP2024 Dược điển Anh BP2024 Dược điển Ấn độ hiện hành	Bộ Y tế Hội đồng Dược điển Việt Nam	2026	2027			
312.		Bộ TCVN XII-4 Dược liệu 1. Nghệ (Rễ) 2. Xấu hổ (toàn cây) 3. Quýt (Hạt) 4. Lô căn 5. Tiền hồ thái phiến 6. Tiền hồ tẩm mật 7. Trâu cổ (quả) 8. Phật thủ (quả) 9. Lệ chi 10. Mẫu đơn bì thái phiến Mẫu đơn bì tẩm rượu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Trung quốc 2020-CP 2020 Dược điển Đài loan – THP 2022 Dược điển Hongkong-HKCMMS	Bộ Y tế Hội đồng Dược điển Việt Nam	2026	2027			
313.		Bộ sửa đổi 2 TCVN I-4:2017 1. Hoàn bổ trung ích khí 2. Thảo quyết minh (hạt) 3. Thiên niên kiện (Thân rễ) 4. Cúc hoa vàng (Hoa) 5. Dây thìa canh 6. Mẫu đơn bì	Soát xét TCVN I-4:2017 Dược điển Trung quốc 2020-CP 2020 Dược điển Đài loan – THP 2022 Dược điển Hongkong-HKCMMS	Bộ Y tế Hội đồng Dược điển Việt Nam	2026	2027			

		7. Tiền hồ (Rễ) 8. Sâm Việt Nam (Thân rễ) 9. Mạch môn (rễ)							
Thiết bị y tế (26 TCVN)									
314.		Thiết bị y tế - Giám sát sau thị trường cho các nhà sản xuất	Chấp nhận ISO/TR 20416:2020	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
315.		Thiết bị y tế - Thông tin cung cấp bởi nhà sản xuất	Chấp nhận ISO/TR 20417:2021	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
316.		Thiết bị y tế - Áp dụng quản lý rủi ro đối với TTBYT	Sửa đổi bổ sung TCVN 8023:2009 Chấp nhận ISO 14971:2019	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
317.		Thiết bị y tế - Ký hiệu sử dụng với nhãn thiết bị y tế, ghi nhãn và cung cấp thông tin – Phần 1: Yêu cầu chung	Sửa đổi bổ sung TCVN 6916-1:2008 Chấp nhận ISO 15223-1:2021	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
318.		Thiết bị y tế - Ký hiệu sử dụng với nhãn thiết bị y tế, ghi nhãn và cung cấp thông tin - Phần 2: Phát triển, lựa chọn và xác thực ký hiệu	Chấp nhận ISO 15223-2:2010	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
319.		Phần mềm thiết bị y tế - Quy trình vòng đời phần mềm	Chấp nhận IEC 62304:2006	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
320.		Quá trình vô khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Phần 1: Yêu cầu chung	Sửa đổi bổ sung TCVN 8026-1:2010 Chấp nhận ISO 13408-1:2023	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
321.		Quá trình vô khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Phần 2: Lọc khử trùng	Sửa đổi bổ sung TCVN 8026-2:2013 Chấp nhận ISO 13408-2:2018	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			

322.		Quá trình vô khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Phần 6: Hệ thống cách ly	Chấp nhận ISO 13408-6:2021	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
323.		Quản lý rủi ro sinh học cho các phòng thí nghiệm và các tổ chức liên quan khác	Chấp nhận ISO 35001:2019	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
324.		Phòng xét nghiệm y tế - Yêu cầu về chất lượng và năng lực	Sửa đổi bổ sung TCVN 8332:2010 Chấp nhận ISO 15190:2020	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
325.		Phòng thí nghiệm y tế - Yêu cầu đối với việc thu thập, vận chuyển, nhận và xử lý mẫu	Chấp nhận ISO/TS 20658:2017	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
326.		Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan - Phần 1: Phân loại độ sạch không khí	Sửa đổi bổ sung TCVN 8664-1:2011 Chấp nhận ISO 14644-1:2015	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
327.		Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan - Phần 2: Giám sát để cung cấp bằng chứng về hiệu suất phòng sạch liên quan đến độ sạch của không khí theo nồng độ hạt	Sửa đổi bổ sung TCVN 8664-2:2011 Chấp nhận ISO 14644-2:2015	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
328.		Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan - Phần 3: Phương pháp thử	Sửa đổi bổ sung TCVN 8664-3:2011 Chấp nhận ISO 14644-3:2019	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
329.		Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan - Phần 4: Thiết kế, xây dựng và khởi động.	Sửa đổi bổ sung TCVN 8664-4:2011 Chấp nhận ISO 14644-4:2022	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			

330.		Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan - Phần 8: Đánh giá độ sạch của không khí theo nồng độ hóa chất (ACC)	Sửa đổi bổ sung TCVN 8664-8:2011 Chấp nhận ISO 14644-8:2022	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
331.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 9: Đánh giá độ sạch bề mặt theo nồng độ hạt	Chấp nhận ISO 14644-9:2022	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
332.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 10: Đánh giá độ sạch bề mặt đối với nhiễm bẩn hóa học	Chấp nhận ISO 14644-10:2022	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
333.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 12: Yêu cầu kỹ thuật đối với việc giám sát độ sạch của không khí theo nồng độ hạt	Chấp nhận ISO 14644-12:2018	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
334.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 13: Làm sạch bề mặt để đạt mức độ sạch xác định theo phân loại hạt và hóa chất	Chấp nhận ISO 14644-13:2017	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
335.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 14: Đánh giá mức độ phù hợp của thiết bị dựa trên nồng độ hạt trong không khí	Chấp nhận ISO 14644-14:2016	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
336.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 15: Đánh giá mức độ phù hợp của thiết bị và vật liệu dựa trên nồng độ hóa chất trong không khí	Chấp nhận ISO 14644-15:2017	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			

337.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 16: Hiệu quả năng lượng trong phòng sạch và thiết bị cách ly	Chấp nhận ISO 14644-16:2019	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
338.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 17: Ứng dụng của tốc độ lắng đọng hạt bụi	Chấp nhận ISO 14644-17:2021	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
339.		Phòng sạch và các môi trường kiểm soát liên quan - Phần 18: Đánh giá mức độ phù hợp của vật tư tiêu hao	Chấp nhận ISO 14644-18:2023	Bộ Y tế Viện TTB&CTYT	2026	2027			
Y học lao động (27 TCVN)									
340.		Không khí nơi làm việc - Xác định chì dạng hạt và hợp chất chì - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa và nhiệt điện.	Chấp nhận ISO 8518:2022	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
341.		Không khí nơi làm việc - Xác định asen và các hợp chất asen bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử *Phần 1: Asen và các hợp chất asen, trừ arsin bằng ET-AAS*	Chấp nhận ISO 6323-1:2024	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
342.		Không khí nơi làm việc - Xác định cadmium dạng hạt và hợp chất cadmium - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa và lò graphit	Chấp nhận ISO 11174:2023	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			

343.		Không khí nơi làm việc - Xác định acid vô cơ bằng phương pháp sắc ký ion . Phần 2: Acid dễ bay hơi, trừ acid flohydric (acid clohydric, acid bromhydric và acid nitric)	Chấp nhận ISO 21438-2:2024	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
344.		Không khí nơi làm việc - Xác định acid vô cơ bằng phương pháp sắc ký ion Phần 1: Acid không bay hơi (acid sunfuric và acid photphoric)	Chấp nhận ISO 21438-1:2022	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
345.		Hướng dẫn cho tổ chức về phòng ngừa, kiểm soát và quản lý bệnh truyền nhiễm	Chấp nhận ISO 45006:2023	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
346.		Kỹ thuật đo chức năng hô hấp	Chấp nhận ISO 26782:2009	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
347.		Quản lý rủi ro tâm lý trong hệ thống OH&S - Hướng dẫn quản lý các rủi ro về sức khỏe tâm lý tại nơi làm việc	Chấp nhận ISO 45003:2021	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
348.		Phương pháp đo thị lực nhìn xa (đo thị lực khoảng cách xa)	Chấp nhận ISO 8596:2017	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
349.		Ecgônômi - Phương pháp tiếp cận chung, nguyên tắc và khái niệm	Chấp nhận ISO 26800:2011	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
350.		Tổ chức lấy con người làm trung tâm - Cơ sở lý luận và nguyên tắc chung	Chấp nhận ISO 27501:2019	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
351.		Ecgônômi của tương tác giữa con người và hệ thống - Mô hình đánh giá quy trình thiết kế lấy con người làm trung tâm	Chấp nhận ISO 9241-221:2023	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			

352.		Ecgônômi của tương tác giữa con người và hệ thống - Bố trí nơi làm việc và yêu cầu về tư thế	Chấp nhận ISO 9241-5:2024	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
353.		Ecgônômi - Đánh giá tư thế làm việc tĩnh	Chấp nhận ISO 11226:2000/ Cor 1:2006	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
354.		Ecgônômi - Xử lý thủ công - Phần 1: Nâng, hạ và mang	Chấp nhận ISO 11228-1:2021	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
355.		Ecgônômi - Xử lý thủ công - Phần 2: Đẩy và kéo	Chấp nhận ISO 11228-2:2007/ Sửa đổi 1:2022	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
356.		Ecgônômi - Xử lý thủ công - Phần 3: Xử lý tải trọng thấp ở tần số cao	Chấp nhận ISO 11228-3:2007	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
357.		Ecgônômi của môi trường vật lý - Các thang đánh giá chủ quan để đánh giá môi trường vật lý	Chấp nhận ISO 10551:2019	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
358.		Ecgônômi của môi trường vật lý - Đánh giá môi trường bằng cách khảo sát môi trường bao gồm các phép đo vật lý của môi trường và phản ứng chủ quan của con người	Chấp nhận ISO 28802:2012	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
359.		Hướng dẫn ecgônômi để tối ưu hóa khối lượng công việc cơ xương	Chấp nhận ISO/TS 20646:2014	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
360.		Ecgônômi của tương tác giữa con người và hệ thống - Đặc điểm kỹ thuật để đánh giá quá trình các vấn đề giữa con người và hệ thống	Chấp nhận ISO/TS 18152:2010	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			

361.		Ecgônômi - Xử lý thủ công con người trong ngành chăm sóc sức khỏe	Chấp nhận ISO/TR 12296:2012	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
362.		Nguyên tắc ecgônômi liên quan đến khối lượng công việc về trí óc: Các vấn đề và khái niệm chung, thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận ISO 10075-1:2017	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
363.		Nguyên tắc ecgônômi liên quan đến khối lượng công việc trí óc: Nguyên tắc thiết kế	Chấp nhận ISO 10075-2:2024	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
364.		Ánh sáng và chiếu sáng - Chiếu sáng nơi làm việc: Trong nhà	Chấp nhận ISO/CIE 8995-1:2025	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
365.		Ecgônômi của môi trường nhiệt - Xác định tỷ lệ trao đổi chất	Chấp nhận ISO 8996:2021	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
366.		Ecgônômi của môi trường nhiệt - Đánh giá căng thẳng nhiệt bằng chỉ số WBGT	Chấp nhận ISO 7243:2017	Bộ Y tế Viện SKNN&MT	2026	2027			
VI.	**<u>BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (57 TCVN)</u>**								
Thiết bị adapter chuyển đổi nguồn AC – DC (08 TCVN)									
367.		Bộ chuyển đổi nguồn xung điện công suất thấp - Yêu cầu về tương thích điện từ	IEC 61204-3: Low-voltage switch mode power supplies - Part 3: Electromagnetic compatibility (EMC)	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Cục Tần số Vô tuyến điện
368.		Phương tiện giao thông, thuyền và động cơ đốt trong - Đặc tính nhiễu vô tuyến - Giới hạn và phương pháp đo để bảo vệ máy thu bên ngoài phương tiện	CISPR 12: Vehicles, boats and devices with internal combustion engines or traction batteries – Radio disturbance characteristics – Limits and methods of measurement for the protection of off-board receivers	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

369.		Phương tiện giao thông, thuyền và động cơ đốt trong - Đặc tính nhiễu vô tuyến - Giới hạn và phương pháp đo để bảo vệ máy thu trên phương tiện	CISPR 25: Vehicles, boats and internal combustion engines - Radio disturbance characteristics - Limits and methods of measurement for the protection of on -board receivers	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
370.		Thiết bị sạc không dây – Phần giao diện vô tuyến	Wireless power transmission systems, using technologies other than radio frequency beam in the 19 - 21 kHz, 59 - 61 kHz, 79 - 90 kHz, 100 - 300 kHz, 6 765 - 6 795 kHz ranges; Harmonised Standard covering the essential requirements of article 3.2 of Directive 2014/53/EU	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
371.		Thiết bị vô tuyến băng siêu rộng	ETSI EN 302 065: Short Range Devices (SRD) using Ultra Wide Band technology (UWB); Harmonised Standard covering the essential requirements of article 3.2 of the Directive 2014/53/EU	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
372.		Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn ứng dụng trong giao thông (ra-đa ứng dụng trong giao thông) dải tần 24,05 GHz đến 24,25 GHz	ETSI EN 302 858: Short Range Devices; Transport and Traffic Telematics (TTT); Radar equipment operating in the 24,05 GHz to 24,25 GHz or 24,05 GHz to 24,50 GHz range;	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
373.		Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn ứng dụng trong giao thông (ra-đa ứng dụng trong giao thông) dải tần 77 GHz đến 81 GHz	ETSI EN 302 264: Short Range Devices; Transport and Traffic Telematics (TTT); Short Range Radar equipment operating in the 77 GHz to 81 GHz band;	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
374.		Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện dải tần 918,4 MHz đến 923 MHz	ETSI EN 302 208: Radio Frequency Identification Equipment operating in the band	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

			865 MHz to 868 MHz with power levels up to 2 W and in the band 915 MHz to 921 MHz with power levels up to 4W;						
Giao dịch điện tử (16 TCVN)									
375.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	ETSI EN 319 411-1 và một phần ETSI EN 319 411-2 phù hợp áp dụng trong pháp luật Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Trung tâm Chứng thực điện tử Quốc gia
376.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa (Remote Signing)	ETSI TS 119 431-1, ETSI TS 119 431-2	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
377.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian	ETSI EN 319 421	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
378.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm	ETSI EN 319 521, ETSI EN 319 531	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
379.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu	ETSI TS 119 511	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
380.		Giao dịch điện tử - Giao thức cấp dấu thời gian cho dịch vụ tin cậy	ETSI EN 319 422	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

381.		Giao dịch điện tử - Giao thức tạo chữ ký số cho mô hình ký số từ xa (Remote signing)	ETSI TS 119 432	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Trung tâm Chứng thực điện tử Quốc gia
382.		Giao dịch điện tử - Ứng dụng ký trên máy chủ ký số cho mô hình ký số từ xa (Remote signing)	EN 419241-1:2018	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
383.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về mô đun ký số cho mô hình ký số từ xa (Remote signing)	EN 419241-2:2019	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
384.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu	ETSI EN 319 522: Part 1, 2, 3, 4-1, 4-2; ETSI EN 319 532: Part 1, 2, 3, 4; ETSI TS 119 512; ETSI TS 101 533-1; RFC 4998; RFC 6283	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
385.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về ký số trên thông điệp dữ liệu để lưu trữ dài hạn	ETSI TS 119 172: Part 1, 2, 3, 4; ETSI EN 319 102-1, 2; ETSI EN 319 122-1, 2, 3; ETSI EN 319 142-1,2; ISO 32000-1:2008; ISO 14533-3:2017; ISO 32000-2:2020; ETSI EN 319 132-1, 2	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
386.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về chức năng, nghiệp vụ cho mô hình ký số trên thiết bị di động (Mobile PKI)	ETSI TR 102 203	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
387.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về giao diện dịch vụ Web cho mô hình ký số trên thiết bị di động (Mobile PKI)	ETSI TS 102 204	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

388.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về khung bảo mật cho mô hình ký số trên thiết bị di động (Mobile PKI)	ETSI TR 102 206	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Cục Tần số Vô tuyến điện
389.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về thông số kỹ thuật chuyển vùng cho mô hình ký số trên thiết bị di động (Mobile PKI)	ETSI TS 102 207	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
390.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu về phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số	- NIST Special Publication 800-107 Revision 1 Recommendation for Applications Using Approved Hash Algorithms - NIST Special Publication 800-89 Recommendation for ObtainingAssurances for Digital Signature Applications - NIST Special Publication 800-57 Part 1 Revision 5 Recommendation for Key Management: Part 1 – General	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
Công nghệ thông tin (05 TCVN)									
391.		Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 1: Tổng quan và các yêu cầu chung	Trên cơ sở ISO/IEC 30134-1:2016	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Cục Viễn thông
392.		Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 3: Yếu tố năng lượng tái tạo (REF)	Trên cơ sở ISO/IEC 30134-3:2016	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

393.		Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 4: Hiệu quả năng lượng thiết bị CNTT cho máy chủ (ITEEsv)	Trên cơ sở ISO/IEC 30134-4:2017	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Cục Viễn thông
394.		Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 5: Sử dụng thiết bị CNTT cho máy chủ (ITEUsv)	Trên cơ sở ISO/IEC 30134-5:2017	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
395.		Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 6: Hệ số tái sử dụng năng lượng (ERF)	Trên cơ sở ISO/IEC 30134-6:2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
Bưu điện (07 TCVN)									
396.		Công nghệ thông tin - Mô hình dữ liệu đô thị - Phần 1: Các khái niệm mức nền tảng	ISO/IEC 5087-1:2023	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện
397.		Công nghệ thông tin - Mô hình dữ liệu đô thị - Phần 2: Các khái niệm mức đô thị	ISO/IEC 5087-2:2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
398.		Phương pháp đánh giá vòng đời môi trường của hàng hoá, mạng lưới và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông	ITU-T L.1410:11/2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
399.		Cơ chế tương tác tối thiểu cho các thành phố và cộng đồng thông minh và bền vững	ITU-T Y.4505:08/2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
400.		An ninh bưu chính – Các biện pháp an ninh chung	UPU S58:2021-04	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

401.		An ninh bưu chính – Văn phòng giao dịch và bưu phẩm hàng không quốc tế	UPU S59:2021-04	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện
402.		Tiêu chuẩn an ninh bưu chính	UPU P44:2011-11	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
Chuyển đổi số (01 TCVN)									
403.		Dịch vụ công trực tuyến - Quy định về chất lượng và trải nghiệm của người dùng	Xây dựng mới Tham khảo W3C WCAG 2.2	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Cục Chuyển đổi số Quốc gia
Phân tích môi trường không khí (04 TCVN)									
404.		Phát thải nguồn tĩnh - Phương pháp hấp thụ hóa học để lấy mẫu và xác định các loại thủy ngân trong khí thải	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 5409:2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Ban kỹ thuật TCVN/TC 146 *Chất lượng không khí*
405.		Phát thải nguồn tĩnh - Xác định nồng độ khối lượng của amoniac - Phương pháp thủ công	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 21877:2019	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
406.		Phát thải nguồn tĩnh – Lấy mẫu và xác định hợp chất selen trong khí thải	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 17211:2015	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
407.		Phát thải nguồn tĩnh - Xác định nồng độ khối lượng của lưu huỳnh dioxit trong khí thải - Đặc tính tính năng của hệ thống đo tự động	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 7935:2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
Phân tích môi trường nước (04 TCVN)									
408.		Chất lượng nước - Xác định các nguyên tố vết bằng phép đo phổ hấp thụ nguyên tử với lò graphit	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15586:2003	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Ban kỹ thuật TCVN/TC 147 *Chất lượng nước*

409.		Chất lượng nước - Xác định xyanua tổng số - Phương pháp sử dụng phương pháp bơm dòng phân đoạn, phân tích quá trình phá hủy bằng tia cực tím trong dây chuyền bằng phương pháp khuếch tán khí và phát hiện cường độ dòng điện	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 22066:2020	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Ban kỹ thuật TCVN/TC 147 *Chất lượng nước*
410.		Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước	Soát xét TCVN 6663-3:2016 Chấp nhận ISO 5667-3 :2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
411.		Chất lượng nước - Lấy mẫu - Hướng dẫn lấy mẫu nước thải	Soát xét TCVN 5999:1995 Chấp nhận ISO 5667-10:2020	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
Phân tích môi trường đất (04 TCVN)									
412.		Chất lượng đất - Xác định crôm (VI) trong vật liệu rắn bằng phân hủy kiềm và sắc ký ion với detector quang phổ	Soát xét TCVN 12900:2020 Chấp nhận ISO 15192:2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Ban kỹ thuật TCVN/TC 147 *Chất lượng nước*
413.		Chất lượng đất - Xác định các nguyên tố vết bằng phương pháp khối phổ plasma cặp cảm ứng	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 16965:2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
414.		Chất lượng đất - Xác định một số phenol và clorophenol - Phương pháp sắc ký khí	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 17182:2014	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
415.		Chất lượng đất - Xác định tổng xyanua và xyanua dễ giải phóng - Phương pháp phân tích dòng liên tục	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 17380:2013	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

Bao bì và môi trường (05 TCVN)									
416.		Bao bì và môi trường - Quy trình thu hồi hóa chất	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 16218:2013	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Ban kỹ thuật TCVN/TC 122 *Bao bì*
417.		Tái chế vật liệu bao bì - Báo cáo về các chất và vật liệu có thể cản trở việc tái chế	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 17098:2013	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
418.		Bao bì và môi trường – Ghi nhãn để nhận biết vật liệu	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 18568:2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
419.		Hướng dẫn để xác định hàm lượng tái chế trong giấy và các tông đóng gói	Xây dựng mới Chấp nhận ASTM D 5663-25	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
420.		Hướng dẫn về bao bì và vận chuyển mẫu môi trường để phân tích trong phòng thí nghiệm	Xây dựng mới Tham khảo ASTM D 86911-15	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
Chất dẻo phân hủy sinh học (03 TCVN)									
421.		Chất dẻo - Sơ đồ thử nghiệm độc tính sinh thái đối với các chất trung gian phân hủy hòa tan từ vật liệu và sản phẩm chất dẻo có thể phân hủy sinh học được sử dụng trong môi trường biển - Phương pháp và yêu cầu thử nghiệm	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 5430:2023	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			Ban kỹ thuật TCVN/TC 61 *Chất dẻo*
422.		Chất dẻo - Polypropylen (PP) và polyetylen (PE) - Thử nghiệm và đặc tính của polypropylene (PP) và polyetylen (PE) tái chế cơ học để sử dụng trong các kỹ thuật xử lý chất dẻo khác nhau	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 5677:2023	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			

423.		Chất dẻo - Phương pháp thử xác định tốc độ phân hủy và mức độ phân hủy của vật liệu chất dẻo tiếp xúc với nền môi trường biển trong điều kiện phòng thí nghiệm	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 23832:2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	2027			
VII. <u>BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ (04 TCVN)</u>									
Mật mã dân sự (04 TCVN)									
424.		Công nghệ thông tin - Mật mã hạng nhẹ - Phần 6: Mã xác thực tin nhắn (MAC)	ISO/IEC 29192-6:2019 Information technology - Lightweight cryptography Part 6: Message authentication codes (MACs)	Ban Cơ yếu Chính phủ	2026	2027			
425.		Bảo mật thông tin - Mật mã hạng nhẹ - Phần 7: Giao thức xác thực quảng bá	ISO/IEC 29192-7:2019 Information security - Lightweight cryptography Part 7: Broadcast authentication protocols	Ban Cơ yếu Chính phủ	2026	2027			
426.		Bảo mật thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư - Các yêu cầu kiểm thử đối với các mô-đun mật mã	ISO/IEC 24759:2025 Information security, cybersecurity and privacy protection - Test requirements for cryptographic modules	Ban Cơ yếu Chính phủ	2026	2027			
427.		Bảo mật thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư - Công nghệ giám sát phần cứng để đánh giá bảo mật phần cứng	ISO/IEC TR 5891:2024 Information security, cybersecurity and privacy protection -Hardware monitoring technology for hardware security assessment	Ban Cơ yếu Chính phủ	2026	2027			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch có thể được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.